

Số: 35 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018
nguồn vốn ngân sách Trung ương

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI.

CV ĐẾN	Số:..... <i>H.H</i>
	Ngày: <i>10</i> / <i>01</i> / <i>2018</i>
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 2131/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, kỳ họp thứ 8;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 21/SKHĐT-TH ngày 08/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 nguồn vốn ngân sách trung ương, chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1 của Quyết định này, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiến hành phân bổ và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện theo nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2018, bảo đảm hoàn thành kế hoạch được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về việc sử dụng ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển.

2. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư cho dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) năm 2018 các chương trình, dự án theo mức vốn kế hoạch được giao tại Quyết định này. Riêng đối với vốn Chương trình

mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: quản lý và giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước và theo quyết định đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm, các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2018 theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính).

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định quy định thi hành Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch vốn tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu,CB-TH;
- Lưu: VT, TH (Vũ 15).



Trần Ngọc Căng

Phụ lục
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số **10** /01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) ngày **10** /01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

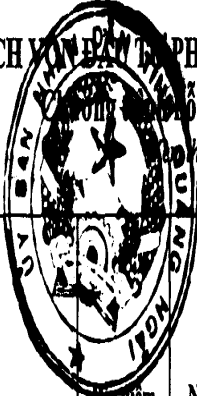


Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch vốn NSTW năm 2018			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
	Tổng cộng	1.226.524	63.300	-	
I	VỐN TRONG NƯỚC	996.224	63.300	-	
1	Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	128.224	-	-	- Phụ lục 1
2	Vốn Chương trình mục tiêu	318.000	63.300	-	- Phụ lục 2
A	Hoàn trả ứng trước	35.559	35.559	-	
B	Phân bổ chi tiết các Chương trình mục tiêu	282.441	27.741	-	
(1)	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng	139.541	27.741	-	
(2)	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững	76.000	-	-	
(3)	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	5.000	-	-	
(4)	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	10.000	-	-	
(5)	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	33.000	-	-	
(6)	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	10.000	-	-	
(7)	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm	4.000	-	-	
(8)	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	4.900	-	-	
3	Vốn đầu tư cho các dự án từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ	550.000	-	-	- Phụ lục 3
-	Ngành Giao thông	550.000	-	-	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	230.300	-	-	- Phụ lục 4

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH VÀN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2018



hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg
theo Quyết định số 35 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch đầu tư năm 2018			Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		Trong đó	
							Tổng số	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
	Tổng số										128.224				
1	Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	Sở Xây dựng									128.224				

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

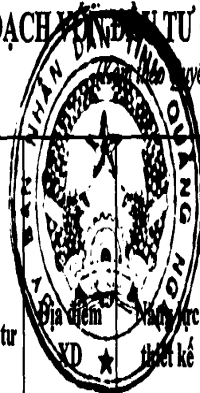
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018			Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó				
										Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ						4.724.826	3.802.134	1.790.589	1.498.989	318.000	63.300	-	
A	Hoàn trả ứng trước						-	-	-	-	35.559	35.559	-	
	Tàu hỏi ứng các dự án không thuộc các chương trình mục tiêu quy định tại Nghị quyết 1023/NQ-UBTVQH13 và Quyết định 40/2015/QĐ-TTg						-	-	-	-	35.559	35.559	-	
1	Vốn đối ứng các dự án ODA						-	-	-	-	8.571	8.571	-	
	+ Cải thiện Môi trường đô thị miền Trung (ADB)	Công ty CP Môi trường đô thị									5.991	5.991	-	
	+ Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi									2.000	2.000	-	
	+ Khôi phục 10 hồ chứa nước (viện trợ của JICA)	Sở Nông nghiệp và PTNT									580	580	-	
2	Tạm ứng vốn NSTW năm 2009 và năm 2010 để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi									11.988	11.988	-	
	+ Bồi thường, hỗ trợ các DA trong KKT Dung Quất										3.727	3.727	-	
	+ Bồi thường, GPMB các DA Tycoons và Doosan (G/d 1)										8.261	8.261	-	
3	Kè đường giao thông liên huyện (ĐT 623) dọc sông Rìn thuộc TT Di Lăng, huyện Sơn Hà	UBND huyện Sơn Hà									5.000	5.000	-	
4	Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn giai đoạn 2	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh									10.000	10.000	-	
B	Phân bổ chi tiết các Chương trình mục tiêu						4.724.826	3.802.134	1.790.589	1.498.989	282.441	27.741	-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018			Ghi chú			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó	
								Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng						1.730.671	1.282.742	949.565	675.915	139.541	27.741	-		
(1)	Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch						38.401	38.401	-	-	27.741	27.741	-		
1	Kè chống sạt lở xã An Bình, huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	L=257,6m	2013-2015	2095/QĐ-UBND, ngày 25/12/2013	38.401	38.401			27.741	27.741	-		
(2)	Dự án hoàn thành năm 2017						1.050.831	672.902	767.633	584.133	39.800	-	-		
	Dự án nhóm C														
2	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	945,85m	2015-2018	1604/QĐ-UBND 30/10/2014	67.079	35.000	53.258	30.258	2.000	-	-		
	Dự án nhóm B														
3	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	Công ty TNHH MTV KTCTTL	TP. Quảng Ngãi	100ha	2011-2017	527/QĐ-UBND, 31/3/2009; 1159/QĐ-UBND, ngày 14/7/2015	338.000	270.400	302.500	249.500	700	-	-		
4	Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vinh-Ra đả tâm xa huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	101.000	83.000	22.000	-	-		
5	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	310.875	221.375	15.100	-	-		
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						641.439	571.439	181.932	91.782	72.000	-	-		
	Dự án nhóm B														
6	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	UBND huyện Bình Sơn	Bình Sơn	5.500m	2016-2020	1967/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	33.282	33.282	10.000	-	-		
7	Đường Ba Bích - Ba Nam	UBND huyện Ba Tư	Ba Tư	10,22km	2016-2020	1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998	40.500	40.500	10.000	-	-		
8	Cảng Bến Đình	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	Lý Sơn	Tàu 1000DWT và tàu 200 ghé	2016-2020	495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	200.000	130.000	88.150	18.000	28.000	-	-		
9	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	Tư Nghĩa, Nghĩa Hành	4,94km	2017-2020	2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	141.000	141.000	10.000	-	14.000	-	-		
10	Đường Ba Tư - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	UBND huyện Ba Tư	Ba Tư, Đức Phổ	19,7 km	2017-2020	2064/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	120.000	120.000	10.000	-	10.000	-	-		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-BT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018			Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó	
							Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
15	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.743	170.000	165.000	17.000	-	-	-
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						239.531	239.531	30.000	30.000	15.000	-	-	-
	Dự án nhóm B													
16	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Bình Sơn	2,7 km	2016-2020	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.531	239.531	30.000	30.000	15.000	-	-	-
VI	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch						51.895	51.895	10.000	-	10.000	-	-	-
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						51.895	51.895	10.000	-	10.000	-	-	-
	Dự án nhóm B													
17	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,7km	2017-2020	115/QĐ-UBND, ngày 23/01/2017	51.895	51.895	10.000	-	10.000	-	-	-
VII	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm						509.971	509.971	77.800	77.800	4.000	-	-	-
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						509.971	509.971	77.800	77.800	4.000	-	-	-
	Dự án nhóm B													
18	Rã phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha		1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	77.800	77.800	4.000	-	-	-
VIII	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo						806.043	685.137	35.000	33.000	4.900	-	-	-
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						806.043	685.137	35.000	33.000	4.900	-	-	-
	Dự án nhóm B													
19	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	Sở Công Thương	12 huyện	Cấp điện cho 624 thôn, bản thuộc 126 xã	2016-2020	896/QĐ-UBND, ngày 20/6/2014	806.043	685.137	35.000	33.000	4.900	-	-	-

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHO CÁC DỰ ÁN TỪ NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2018



Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mức vốn thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch đầu tư vốn TPCP năm 2018			Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP		Trong đó:	
							Tổng số	Trong đó: TPCP						Thu hồi các khoản ứng trước TPCP	Thanh toán nợ XDCB
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	Ngành giao thông						2.250.000	1.500.000	817.000	800.000	550.000	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						2.250.000	1.500.000	817.000	800.000	550.000	-	-		
	Dự án nhóm A														
1	Cầu Cửa Đại	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	TP Quảng Ngãi	3.700m (cầu dài 1.876m)	2017-2020	468/QĐ-UBND, ngày 20/3/2017	2.250.000	1.500.000	817.000	800.000	550.000	-	-		

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Quyết định số 35 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2017			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2018	Ghi chú	
						Số quyết định	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)
TỔNG SỐ						1.029.272	131.116	898.156	351.841	67.380	284.461	230.300		
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, GIẢM NGHÈO					675.563	36.272	639.291	176.411	17.620	158.791	119.568		
	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>					675.563	36.272	639.291	176.411	17.620	158.791	119.568		
1	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2014-2018	1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013; 2012/QĐ-UBND ngày 15/12/2014	337.818	18.477	319.341	167.291	8.500	158.791	66.303	
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện trong tỉnh	Sửa chữa, nâng cấp 19 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 546/QĐ-UBND ngày 04/4/2016	337.745	17.795	319.950	9.120	9.120	-	53.265	
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO						28.600	6.600	22.000	6.534	1.121	5.413	4.554	

	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2018						28.600	6.600	22.000	6.534	1.121	5.413	4.554
3	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	6 trường THCS	2015-2018	960/QĐ-UBND ngày 12/6/2015	28.600	6.600	22.000	6.534	1.121	5.413	4.554
III	LĨNH VỰC Y TẾ						119.130	31.297	87.833	5.200	5.200	0	77.403
	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2018						119.130	31.297	87.833	5.200	5.200	0	77.403
4	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện (Quảng Ngãi)	Sở Y tế					119.130	31.297	87.833	5.200	5.200	0	77.403
	<i>Trong đó:</i>												
4.1	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế	TP Quảng Ngãi	800 m3/ ngày đêm		1967/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	29.199	4.593	24.606	1.200	1.200	-	14.606
4.2	Hỗ trợ đầu tư khu xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế	Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	800 kg rác/ngày		1592/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	89.931	26.704	63.227	4.000	4.000	-	62.797
IV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH						205.979	56.947	149.032	163.696	43.439	120.257	28.775
	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						205.979	56.947	149.032	163.696	43.439	120.257	28.775
5	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015-2017	1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	184.903	54.903	130.000	146.439	43.439	103.000	27.000

6	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Bình Sơn	107,448 ha	2015-2019	1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.076	2.044	19.032	17.257	0	17.257	1.775

* Ghi chú:

- Giải ngân vốn nước ngoài theo kế hoạch được giao
- Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước